TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: **97**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH
Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Hoàng Lan Chi**

Thư ký phiên họp: **Bà Trần Tuyết Nhung**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: **Nguyễn Thu Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 91/2025/TLST-VHNGĐ ngày 24/03/2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình số 156/QĐST-VHNGĐ ngày 01/04/2025 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Đỗ Văn H, sinh ngày 02/09/198X; Căn cước công dân số: 00108XXX do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/04/202X; Địa chỉ thường trú và cư trú: Xã S, huyện H, thành phố Hà Nội, Việt Nam. (*Anh H có mặt).*

- Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 24/10/198X; Căn cước công dân số: 00118XXX do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/04/202X; Hộ chiếu số: XXX do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 13/12/201X; Địa chỉ HKTT: Xã S, huyện H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ cư trú hiện nay: Úc (Australia); (*Chị N có đơn xin vắng mặt).*

Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho: Anh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 13/02/200X; Căn cước công dân số: XXX do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 23/07/202X; Địa chỉ liên lạc: Đường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, Việt Nam (Giấy ủy quyền ngày 26/02/2025). *(Anh Đ có mặt).*

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/200X tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn dến tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020. Năm 2023 chị N sang nước ngoài làm việc, mỗi người ở một nơi, không còn gặp gỡ, liên lạc với nhau thường xuyên nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng căng thẳng hơn. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị được ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh H và chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Đỗ Gia H, sinh ngày 29/06/200X và Đỗ Gia B, sinh ngày 21/01/201X, sức khỏe của các con bình thường. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc ly hôn: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

<u>Tại phiên họp</u>:

Anh Đỗ Văn H có mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn cho anh và chị Nguyễn Thị N.

Chị Nguyễn Thị N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho anh Lê Tuấn Đ, anh Đ có mặt và đồng ý nhận ủy quyền của chị N là giao nộp đơn, tài liệu và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh Đ cam kết thông báo và gửi ngay các văn bản tố tụng, quyết định của Tòa án để chị N được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết, các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] *<u>Về tố tụng</u>*: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị Nguyễn Thị N hiện đang sinh sống và làm việc tại Úc (Australia). Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân

sự, việc hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có Đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị N.

[2] *Về nội dung*:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/200X tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội), đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N có Đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị được ổn định cuộc sống. Xét việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Đỗ Gia H, sinh ngày 29/06/200X và Đỗ Gia B, sinh ngày 21/01/201X, sức khỏe của các con bình thường. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

- Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí giải quyết việc ly hôn: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Các Điều 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1 phần I mục B Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N.

2. *Về con chung*: Anh Đỗ Văn H và chị Nguyễn Thị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là: Đỗ Gia H, sinh ngày 29/06/200X và Đỗ Gia B sinh ngày 21/01/201X, sức khỏe của các con bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị: Giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng, kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Đỗ Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung*: Anh H và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. *Về lệ phí*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0079099 ngày 24/03/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 11/04/2025.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã C, huyện T, TPHà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 159, quyển số 01/2007 ngày 25/12/2007);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Lan Chi